TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 26/HNGĐ – ST
Ngày: 08/5/2025
V/v "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Ngân
2. Ông Võ Đức Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước: Bà Nguyễn Như Mai Trang – kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025, về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L1, sinh năm: 1983 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 3, ấp 8C, xã LH, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L2, sinh năm: 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 3, ấp 8C, xã LH, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Lê Thị L1 trình bày: Bà L1 và ông L2 tự nguyện sống chung vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MH, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Trước khi kết hôn có tìm hiểu trong thời gian khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn sống tự lập tại ấp 8C, xã LH, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2024 thì phát sinh mâu thuẫn tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay nhận bà L1 xin ly hôn với ông L2.

- Con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị L3, sinh ngày: 23/10/2000 và Nguyễn Thành T, sinh ngày: 15/3/2005. Khi ly hôn, các con đã trưởng thành nên bà

L1 không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi, bà L1 không có mang thai.

- Tài sản chung: Bà L1 và ông L2 không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L1 và ông L2 không nợ ai, cũng không ai nợ lại.

** Tại bản tự khai, bị đơn ông Nguyễn Thành L2 trình bày:* Bà L1 và ông L2 tự nguyện sống chung vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Nay ông L2 đồng ý ly hôn với bà L1 xin ly hôn, nhưng do công việc nên không đến Tòa án được.

Vền con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị L3, sinh ngày: 23/10/2000 và Nguyễn Thành T, sinh ngày: 15/3/2005. Khi ly hôn, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thành L2 vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt ông L2.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị L1.

Quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị L1 được ly hôn với ông Nguyễn Thành L2.

Con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị L3, sinh năm 2000 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 15/3/2005. Các con của bà L1 ông L2 đã trưởng thành nên không giải quyết việc nuôi dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí: Đương sự chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Lê Thị L1 có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thành L2 nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Thành L2 cư trú tại xã LH, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Thành L2 vắng mặt, tuy nhiên có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn Thành L2 tự nguyện chung sống với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MH, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, vì vậy hôn nhân giữa bà L1 và ông L2 là hợp pháp. Theo bà L1, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Nay bà L1 xác định không còn tình cảm với ông L2 nên vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Ông L2 cũng đồng ý ly hôn nhưng do công việc nên xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Xét thấy, quá trình chung sống bà L1 và ông L2 phát sinh mâu thuẫn nhưng vẫn không khắc phục được. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà L1 và ông L2 đã trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cho bà Lê Thị L1 được ly hôn với ông Nguyễn Thành L2.

[2.2] Con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị L3, sinh năm 2000 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 15/3/2005. Khi ly hôn các con của bà L1 ông L2 đã trưởng thành nên không giải quyết việc nuôi dưỡng.

[2.3] Tài sản chung: Không có nên bà L1 ông L2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà Lê Thị L1 phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 39 của Bộ luật dân sự;

- Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L1 được ly hôn với ông Nguyễn Thành L2.

2. Con chung của bà L1 ông L2 tên Nguyễn Thị L3, sinh năm 2000 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 15/3/2005 đã trưởng thành nên không giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí: Bà Lê Thị L1 chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006951 ngày 26 tháng 3 năm 2025.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kiều Chinh

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKS huyện Lộc Ninh*
- *Các đương sự.*
- *UBND xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành*
- *THA DS huyện Lộc Ninh*
- *Lưu hồ sơ*